TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HS-ST
Ngày 20-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Văn Đắc.

Bà Hà Thị Thúy Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Nông Văn T, sinh ngày 07 tháng 01 năm 1969 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Công C và bà Đinh Thị M; vợ Hoàng Thị V và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/9/2000, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ra quyết định số 1537/QĐ-UB về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng; bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 16/3/2021 đến nay. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Nông Trung T. Vắng mặt.

+ Ông Nông Văn T1. Vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị T. Vắng mặt.

+ Anh Hoàng Văn Đ. Vắng mặt.

+ Ông Phan Văn A. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 18/11/2020, Nông Văn T, Hoàng Văn Đ, Nông Văn T1 cùng trú tại Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và Phan Văn A trú tại thôn Thâm Xi, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn cùng ngồi uống rượu tại bếp nhà ông Nông Văn T1. Trong lúc ngồi uống rượu giữa Nông Văn T và Phan Văn A xảy ra mâu thuẫn hai bên to tiếng, quát mắng nhau. Lúc này, Nông Trung T là con trai Nông Văn T1 đi chơi thể thao về, thấy mọi người cãi nhau nên đã vào can ngăn rồi đuổi Nông Văn T và Phan Văn A đi về. Sau khi về đến nhà do bực tức vì bị Nông Trung T đuổi về nên Nông Văn T đã mang theo 01 khẩu súng và 01 viên đạn thể thao được cất giấu ở gác bếp của gia đình quay lại nhà Nông Văn T1 mục đích đe dọa Nông Trung T (lúc này Nông Văn T chưa lắp viên đạn vào khẩu súng mà chỉ cầm ở lòng bàn tay trái).

Khi đến nhà Nông Văn T1, Nông Văn T gặp Hoàng Văn Đ can ngăn sau đó Nông Văn T dùng súng chĩa vào người đe dọa Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn Đ nói "bắn đi" nhưng Nông Văn T không bắn mà hạ súng xuống, dùng chân đạp vào bụng Hoàng Văn Đ, làm cho Đức ngã. Sau đó Nông Văn T tiếp tục đi tìm Nông Trung T, khi đi ngang qua phòng ngủ thì thấy Nông Trung T, Nông Văn T chĩa nòng súng về phía Nông Trung T nhưng bị Nông Trung T cầm được nòng súng và vật Nông Văn T ngã xuống nền nhà, Hoàng Văn Đ đến hỗ trợ Nông Trung T tước lấy khẩu súng, lúc này viên đạn trong tay của Nông Văn T rơi xuống đất. Thấy mình sai, Nông Văn T đã xin lỗi gia đình Nông Văn T1, sau khi giữ được khẩu súng gia đình Thích đã cho Tạo ra về. Khi về đến nhà do vẫn bức xúc nên Nông Văn T đã lấy một con dao (loại dao dùng để đi rừng) quay lại nhà Nông Văn T1 quát tháo và tìm Nông Trung T và nói "Riêng thằng Tiến hôm nay tao phải chém chết". Quá trình tìm Tiến, Nông Văn T đã chém vào một số đồ vật trong nhà Nông Văn T1; lúc đó Nông Văn T1 ở trong nhà, Nông Văn T có đe dọa và xô đẩy với Nông Văn T1. Do không tìm thấy Nông Trung T, Nông Văn T bỏ ra ngoài và đến nhà Nông Văn Phong là người cùng thôn uống rượu, sau đó đi về nhà.

Đối với Nông Trung T sau khi lấy được khẩu súng của Nông Văn T và giấu đi đã đến nhà anh Nguyễn Thanh Hường là Công an viên thôn Minh Sơn báo lại sự việc. Sau khi nhận được thông tin Công an xã T, huyện B đã đến nhà Nông Văn T1 xác minh, lập biên bản và thu giữ vật chứng theo quy định.

Ngày 10/3/2021, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nông Văn T về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng.

Tại bản kết luận giám định số 144/KLGĐ-PC09 ngày 19/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: "Khẩu súng gửi giám định là súng tự chế, bắn được loại đạn thể thao cỡ 5,6mm x 15,5mm. Hiện tại khẩu súng này vẫn sử dụng để bắn được và thuộc danh mục vũ khí quân dụng;

viên đạn màu vàng dài 2,5cm gửi giám định là đạn thể thao cỡ 5,6mm x 15,5mm, không phải đạn quân dụng".

Tại Bản cáo trạng số 86/CT-VKS-P2 ngày 14/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nông Văn T về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn T khai nhận, hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng là một khẩu súng tự chế và 01 viên đạn như Cáo trạng truy tố ra trước Tòa là đúng.

Đối với người đàn ông ở miền Nam đến khu vực xã T, huyện B để tìm trầm hương là người cho Nông Văn T khẩu súng tự chế. Quá trình điều tra, Nông Văn T khai không nhớ họ tên, địa chỉ của người đàn ông này, do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Đối với 01 viên đạn thể thao cỡ 5,6mm x 15,5mm, không phải đạn quân dụng, ngày 18/5/2021 Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nông Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép vũ khí thể thao với số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Đối với hành vi Nông Văn T cầm khẩu súng chĩa nòng súng về phía Hoàng Văn Đ và Nông Trung T để đe dọa Đức, Tiến và cầm dao đến nhà Nông Văn T1. Ngày 24/02/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B và Viện kiểm sát nhân dân huyện B họp bàn, thống nhất hành vi trên không có dấu hiệu của tội Sử dụng vũ khí đe dọa giết người nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự và chuyển tài liệu, đồ vật liên quan (con dao) đến Công an xã T, huyện B để lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Ngày 28/02/2021, Công an xã T, huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nông Văn T về hành vi đánh nhau với số tiền 750.000đ (bảy trăm năm mười nghìn đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 02 năm đến 03 năm tù giam, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/3/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng do gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản giá trị.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu giao 01 khẩu súng và 01 viên đạn cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn quản lý và xử lý theo quy định. Trả lại cho bị cáo một giấy chứng minh nhân dân số 082203606 mang tên Nông Văn T.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng bị cáo xin đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người làm chứng anh Nông Trung T, Hoàng Văn Đ, Nông Văn T1, Phan Văn A, chị Hoàng Thị T được Tòa án nhân dân huyện B triệu tập hợp lệ đến phiên tòa. Xét thấy bị cáo yêu cầu xử vắng mặt; mặt khác trong hồ sơ cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai những người này, bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội. Việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng anh Nông Trung T, Hoàng Văn Đ, Nông Văn T1, Phan Văn A, chị Hoàng Thị T.

[3] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên toà bị cáo Nông Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và cũng phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Nguồn gốc khẩu súng Nông Văn T có được là khoảng năm 1990, có một người đàn ông người miền Nam (không nhớ họ tên, địa chỉ) đến xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để tìm Trầm hương. Người đàn ông này nhờ Nông Văn T đưa vào rừng tìm Trầm hương; trước khi rời khỏi địa phương người đàn ông này cho Nông Văn T khẩu súng tự chế đó, Nông Văn T đã mang về cất giấu trên gác bếp của gia đình. Còn 01 viên đạn thể thao Nông Văn T mua ở chợ xã T, huyện B với một người đàn ông lạ không biết và cũng không nhớ thời gian đã mua viên đạn trên. Ngày 18/11/2020 do mâu thuẫn cá nhân, Nông Văn T đã lấy khẩu súng tự chế chĩa súng vào người Hoàng Văn Đ, Nông Trung T đe dọa nhưng bị Nông Trung T cầm được nòng súng quật Nông Văn T ngã xuống nền nhà. Sau đó Nông Trung T đi trình báo Công an xã T, huyện B. Như vậy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nông Văn T đã phạm tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Nông Văn T thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng của

Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân gián tiếp gây ra các tội phạm nghiêm trọng khác.

[5] Về nhân thân: Bị cáo là người khỏe mạnh, có thể chất phát triển bình thường, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng là vi phạm pháp luật. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; mục 6 Điều 1 Nghị định số 70/2013/NĐ-CP ngày 02/7/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số 18/2002/NĐ-CP của Chính phủ; tịch thu 01 súng tự chế, bắn được loại đạn thể thao cỡ 5,6mm x 15,5mm và viên đạn màu vàng dài 2,5cm gửi giám định là đạn thể thao cỡ 5,6mm x 15,5mm, không phải đạn quân dụng. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành bàn giao cho kho Đại đội 29, phòng Kỹ thuật Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn để bảo quản theo quy định, vì vũ khí quân dụng là vật cấm tàng trữ, lưu hành. Trả lại cho bị cáo một giấy chứng minh nhân dân số 082203606 mang tên Nông Văn T do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 15/6/2009 là chủ sở hữu hợp pháp, vì không liên quan đến vụ án.

[9] Về hình phạt bổ sung quy định trong luật, tại khoản 5 Điều 304 của Bộ luật hình sự "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm". Nhưng xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt cũng như các vấn đề khác đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo xin với Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình và hòa nhập với xã hội.

[12] Căn cứ theo Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

[13] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 262; Điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 02 (hai) năm tù giam. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/3/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

2. Xử lý vật chứng:

Tuyên tịch thu 01 súng tự chế, bắn được loại đạn thể thao cỡ 5,6mm x 15,5mm. Hiện tại khẩu súng này vẫn sử dụng để bắn được và thuộc danh mục vũ khí quân dụng; viên đạn màu vàng dài 2,5cm gửi giám định là đạn thể thao cỡ 5,6mm x 15,5mm, không phải đạn quân dụng tiếp tục giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn quản lý và xử lý theo quy định.

Những vật chứng, tài sản trên được ghi theo biên bản giao nhận VKTBKT-ĐD giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn với Đại đội 29/phòng kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn ngày 05 tháng 4 năm 2021.

Trả lại cho bị cáo một giấy chứng minh nhân dân số 082203606 mang tên Nông Văn T do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 15/6/2009.

Vật chứng trên được ghi theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn với Chi cục thi hành án dân sự huyện B ngày 16 tháng 7 năm 2021.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Hiệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Đắc **Hà Thị Thúy Trinh** **Dương Thị Hiệt**